TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN S** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2023
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử (HĐXX) gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Châu Kha

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hồng Thái và ông Niê Y Ling (Ma Bin).

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Võ Kim Vinh – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân (TAND) huyện S, tỉnh P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh P tham gia phiên tòa: Bà Lương Như Hoàn – Kiểm sát viên sơ cấp.

Lúc 09 giờ 40 phút, ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân (TAND) huyện S. TAND huyện S xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 68/2023/TLST-HNGĐ, ngày 30-5-2023 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05-9-2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21-9-2023 của TAND huyện Sông Hinh giữa các đương sự:

**Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Ngọc Ph, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện P, tỉnh P. Nghề nghiệp: Giáo viên Trường THCS N, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

**Bị đơn*: Anh Nguyễn Xuân B, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn T, xã E huyện S, tỉnh P. Nghề nghiệp: Công nhân tỉnh B (không có địa chỉ cụ thể). Vắng mặt.

NỘI DỤNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ph trình bày:

Về hôn nhân: Chị Ph và anh B tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã H, huyện P, tỉnh P vào ngày

22-02-2017. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, đến tháng 01 năm 2020 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do anh B có quan hệ bất chính với người khác, chị Ph đã nhiều lần bỏ qua để hàn gắn xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng anh B không thay đổi. Vợ chồng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không còn tình cảm, chị Ph và con trai phải bỏ nhà đến thôn M, xã H, huyện P sống với cha mẹ đẻ chờ ngày ra tòa ly hôn và đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2020 đến nay. Vì vậy, chị Ph yêu cầu Tòa cho ly hôn anh B.

* Về con chung: Quá trình chung sống, chị Ph và anh B có 01 con chung, tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 08-12-2017; giới tính: Nam. Cháu H bị bệnh câm, điếc bẩm sinh, hiện đang được nhà nước trợ cấp 720.000đ/tháng.

Sau khi ly hôn, chị Ph xin được tiếp tục nuôi con chung, có yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật cho đến khi con đủ mười tám tuổi. Nhờ toà xem xét.

* Về tài sản chung: Chị Ph và anh B, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn:* Anh Nguyễn Xuân B, theo tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ như sau: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên không có lời trình bày trong hồ sơ vụ án và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, chị Ph giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Biển, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành tống đạt và xét xử vắng mặt bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S phát biểu: Về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm trước khi nghị án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết, các quyền và nghĩa vụ của đương sự đã được thực hiện đầy đủ.

Về nội dung vụ án: Chị Ph và anh B đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện P, tỉnh P vào ngày 22-02-2017, quá trình chung sống không hạnh phúc, đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2020 đến nay, không còn quan tâm đến nhau và có một con chung tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 08-12-2017; giới tính: Nam. Cháu H bị bệnh câm, điếc bẩm sinh, hiện đang được nhà nước trợ cấp 720.000đ/tháng. Sau khi ly hôn, chị Ph xin được tiếp tục nuôi con, yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Về tài sản, chị Ph cho rằng, chị Ph anh B không có tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa anh B không có mặt đến lần thứ hai, không có bản tự khai xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phương, cho chị Ph ly hôn với anh B. Về con chung tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 08-12-2017; giới tính: Nam. Cháu H bị bệnh câm, điếc bẩm sinh, hiện đang được nhà nước trợ cấp 720.000đ/tháng, chấp nhận sau

khi ly hôn, chị Ph được tiếp tục nuôi con. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Ph là giáo viên có thu nhập 6.000.000đ/tháng, còn anh B được gia đình thông tin đang làm công nhân tại tỉnh B (không có địa chỉ cụ thể), không biết thu nhập hàng tháng bao nhiêu tiền. Do đó, đề nghị HĐXX sau khi ly hôn giao con Nguyễn Minh Hải, sinh ngày 08-12-2017 cho chị Ph tiếp tục nuôi dưỡng, anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con từ 900.000đ/tháng đến 1.200.000đ/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng nuôi con bắt đầu khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về tài sản chung: Chị Ph và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn,bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua kiểm tra các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy:

[1] Về tố tụng dân sự:

Chị Nguyễn Ngọc Ph có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc hôn nhân của chị Ph và anh Nguyễn Xuân B; địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện S, tỉnh P. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS. TAND huyện S, tỉnh P đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ph và anh B tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện P, tỉnh P vào ngày 22-02-2017. Quá trình chung sống không hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không đạt được, đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2020 cho đến nay. Xét thấy, không còn tình cảm, không thể hàn gắn duy trì xây dựng hạnh phúc gia đình, nên chị Ph xin ly hôn với anh B.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh B không đến tòa. Mặc dù, Tòa đã đến nhà trực tiếp làm việc với gia đình nhiều lần, có giấy triệu tập để tham gia tố tụng đến lần thứ hai, anh B biết nhưng không đến tòa là xem như tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Riêng chị Ph chứng minh, việc mâu thuẫn giữa chị Ph và anh B đã trầm trọng thường xuyên diễn ra trong gia đình nếu tiếp tục chung sống phần nào sẽ ảnh hưởng đến quyền công dân, quyền con người trong hôn nhân và gia đình. Hiện tại, chị Ph và anh B đã sống ly thân, chị Ph và con đã ra ở riêng (tạm trú tại nhà cha mẹ đẻ Thôn M, xã H, huyện P) từ tháng 01 năm 2020 đến nay, có biên bản xác minh tình trạng hôn nhân do chính quyền địa phương cung cấp. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ph.

[3] Về con chung: Chị Ph và anh B thừa nhận có một con chung, xét điều kiện hiện tại con chung đang sống với chị Ph, kinh tế thu nhập ổn định phù hợp với quy định của pháp luật khi con bị bệnh câm điếc bẩm sinh cần ưu tiên cho

mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, chị Ph có thu nhập từ lương hàng tháng của giáo viên 6.000.000đ/tháng, đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. HĐXX chấp nhận chị Ph nuôi một con chung tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 08-12-2017; giới tính: Nam.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Ph yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Xét điều kiện kinh tế thu nhập, việc làm của anh B và cháu Nguyễn Minh H bị bệnh câm, điếc bẩm sinh, hiện đang được nhà nước trợ cấp 720.000đ/tháng rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của mẹ. Chấp nhận quan điểm đề xuất giải quyết vụ án của kiểm sát viên tại phiên tòa, theo đó HĐXX chấp nhận mức trung bình, buộc anh Nguyễn Xuân B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 08-12-2017; giới tính: Nam, hàng tháng với mức 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng.

Việc cấp dưỡng bắt đầu khi bản án có hiệu lực pháp luật và chấm dứt trong các trường hợp quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản: Chị Ph và anh B không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 BLTTDS;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Ngọc Ph. Cho chị Nguyễn Ngọc Ph ly hôn anh Nguyễn Xuân B.

2. Về con chung: Chị Ph được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Minh H, sinh ngày 08-12-2017; giới tính: Nam.

* *Về cấp dưỡng nuôi con:* Anh Nguyễn Xuân B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng.

Việc cấp dưỡng bắt đầu khi bản án có hiệu lực pháp luật và chấm dứt trong các trường hợp quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con, nếu lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó.

Khi cần thiết, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên.

3. Về tài sản chung: Chị Phương, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc Ph phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001454 ngày 30-5-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện S, tỉnh P. Vì vậy, về án phí chị Ph đã thi hành xong.

Anh Nguyễn Xuân B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con chung.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Các đương sự;
- VKSND huyện S;
- CCTHADS huyện S;
- UBND xã H, huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Bùi Châu Kha